



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-998-7850

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam LE ANH TUAN
Last Middle First

Current Address 16/29 Cu Xa Lu Gia, Quan 11 City Of Ho Chi Minh, Viet Nam

Date of Birth 1938 Place of Birth Nam Dinh, Bac Viet

Names of Accompanying Relatives/Dependents

<u>KIM QUY THI VU</u>	<u>QUOC ANH LE</u>
<u>HUNG VU LE</u>	<u>TOAN QUOC VU LE</u>
<u>VU ANH LE</u>	<u>THINH QUOC VU LE AND NGUYET MINH VU LE</u>

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From JUNE 14th, 1975 To September 29th, 1984

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>CHI KIM VU LE</u>	<u>Daughter</u>		

Form Completed By:

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

PAGE 2

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): TUAN ANH LE
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
QUY KIM THI VU	1938	Wife
HUNG VU LE	1960	Son
VU ANH LE	4/26/1964	Son
TOAN QUOC VU LE	3/20/1971	Son
QUOC ANH LE	6/19/68	Son
THINH QUOC VU LE	5/27/1972	Son
NGUYET MINH VU LE	12/25/1975	Daughter

ADDITIONAL INFORMATION:



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-998-7850

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam Le Anh Tuan
Last Middle First

Current Address 16/29 Cu Xa Lu Gia, 9.15, Quan 11, City of Ho Chi Minh

Date of Birth October 10, 1938 Place of Birth Nam Dinh

Names of Accompanying Relatives/Dependents

<u>Quy Kim Thi Vu</u>	<u>Wife</u>	<u>Hung Vu Le</u>	<u>Son</u>
<u>Vu Anh Le</u>	<u>Son</u>	<u>Anh Hung Vu Le</u>	<u>Son</u>
<u>Quoc Anh Vu Le</u>	<u>Son</u>	<u>Toan Quoc Vu Le</u>	<u>Son</u>
<u>Thinh Quoc Vu Le</u>	<u>Son</u>	<u>Nguyet Minh Thi Le</u>	<u>Daughter</u>

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From June 06, 1975 To October 24th, 1984

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>Chi Kim Le</u>	<u>Daughter</u>		

Form Completed By:

Chi Kim Le
Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

PAGE 2

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): Tuan Anh Le
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
Quy Kim Thi Vu	1938	Wife
Hung Vu Le	1960	Son
Vu Anh Le	1964	Son
Anh Hung Vu Le	1966	Son
Quoc Anh Vu Le	1968	Son
Toan Quoc Vu Le	1971	Son
Thinh Quoc Vu Le	1972	Son
Nguyet Minh Thi Le	1975	Daughter

ADDITIONAL INFORMATION:

BỘ NỘI VỤ
Trại **Thủ Đức**
Số **770** CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SUSLD

GIẤY RA TRẠI

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐÀ TRỊNH DIỄN	
71 PC13	4
27	10
ĐƠN VỊ CẤP GIẤY RA TRẠI	

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **528** ngày **29** tháng **9** năm **1984**

của **Bộ Nội vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Lê anh Tuấn** Sinh năm 19 **38**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Nam Định**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **16/29 cư xá Lữ gia, quận 11, TP. HCM.**

Thiếu tá tiên đoàn trưởng ĐPQ.

Bị bắt ngày **14-6-75**

Án phạt **TTQT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

TRƯỞNG CÔNG AN PHƯƠNG **15** lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **16/29 cư xá Lữ gia, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh Tuấn đã cố gắng trong học tập, lao động và chấp hành nội qui của trại có tiên bộ.

Nguyễn mạnh Lữ - Thời hạn quản chế **(12) tháng (mười hai tháng)**
- Tiền đi đường đã cấp từ trại về đến gia đình

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Hồi về cư trú**

Trước ngày **26** tháng **10** năm 19 **84**

Làm tay góc/trở phải
Của **Lê anh Tuấn**
Danh bìa số _____
Lập tại _____

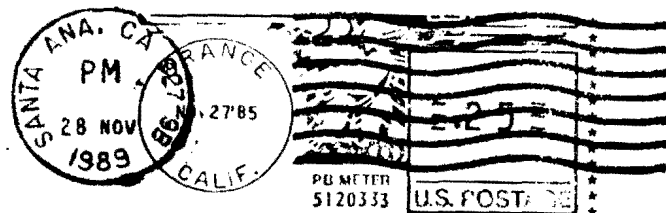
Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **24** tháng **10** năm 19 **84**
Giám thị



Trần Văn Tuấn

CHI KIM VU LE



DEC 0 5 1989

TO: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA. 22205-0635



C O N T R O L

____ Card
____ * Doc. Request; Form 12/17/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter